

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 737/TTr-TNMT ngày 22/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP QNK Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Bình An, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng sân golf, dịch vụ Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang” tại xã Tiên Phong và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- Tên cơ sở: “Đầu tư xây dựng sân golf, dịch vụ Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”.
- Chủ cơ sở: Công ty CP QNK Bắc Giang.
- Địa điểm hoạt động: Xã Tiên Phong và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty CP QNK Bắc Giang với mã số doanh nghiệp 2400708168 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/4/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1772468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/5/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 02/3/2023.

1.4. Mã số thuế: 2400708168.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Hoạt động sân Golf, nghỉ dưỡng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại xã Tiền Phong và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với tổng diện tích: 183,8ha; trong đó diện tích thực hiện giai đoạn 1 là 77,19ha (đã hoàn thành và đưa vào hoạt động từ quý II/2014), giai đoạn 2 là 57,44ha, giai đoạn 3 là 49,17ha (chưa đầu tư xây dựng).

Phạm vi đề nghị cấp giấy phép: Các hạng mục công trình đã thực hiện hoàn thành ở giai đoạn 1 của dự án.

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô hoạt động: Cơ sở hoạt động với quy mô tối đa tổ hợp sân golf 36 lỗ và các dịch vụ đi kèm. Hiện tại, giai đoạn 1 cơ sở đã xây dựng và vận hành 01 sân golf 18 lỗ đạt tiêu chuẩn quốc tế.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP QNK Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty CP QNK Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CP QNK Bắc Giang có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định 1620/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng sân golf, dịch vụ Yên Dũng” tại xã Tiên Phong và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (*trừ các nội dung yêu cầu tại phụ lục 4 kèm theo tờ trình này*) và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng sân golf, dịch vụ Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang” có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng sân golf, dịch vụ Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang” tại xã Tiên Phong và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do Công ty CP QNK Bắc Giang làm chủ đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Yên Dũng, UBND xã Tiên Phong, UBND xã Yên Lư, Công ty CP QNK Bắc Giang và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty CP QNK Bắc Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Có 05 nguồn

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ nhà bếp.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ nhà tắm, nước giặt.
- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ kios 1.
- Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ kios 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 35m³/ngày đêm xả ra hồ dịch vụ 3.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ dịch vụ 3. Trong trường hợp mưa lớn nước từ hồ dịch vụ 3 được bơm cưỡng bức ra hồ Bờ Tân.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả ra hồ dịch vụ 3 (tên gọi khác là MN6), cách nhà dịch vụ 3 khoảng 60m về phía Bắc.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2347346; Y= 415559 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 35m³/ngày đêm, tương đương khoảng 1,46m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Phương thức xả nước thải: Tự chảy qua hệ thống dẫn nước thải xả thẳng ra hồ dịch vụ 3 bằng ống HDPE đường kính D200mm, dài khoảng 76m.

2.3.2. Chế độ xả nước: Xả nước thải liên tục 24/24giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hồ dịch vụ 3 phải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ

1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ khu nhà dịch vụ 3:

+ Nước thải từ nhà bếp được thu gom và xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ 02 ngăn thể tích khoảng 3,6m³ sau đó theo đường ống uPVC D110 dài khoảng 50m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất 35m³/ngày đêm.

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 10m³/bể) với tổng thể tích 20m³ sau đó theo đường ống uPVC D110 dài khoảng 6m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất 35m³/ngày đêm.

+ Nước thải từ nhà tắm, nước giặt được thu gom về ngăn tách rác trước khi chuyển qua bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35m³/ngày đêm thông qua đường ống uPVC D125 dài 3,5m.

- Nước thải khu kios số 1 và số 2: Được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 05m³/bể) với tổng thể tích 10m³ sau đó được thu gom bằng

xe bồn về hệ thống xử lý nước thải công suất 35m³/ngày đêm để xử lý cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà dịch vụ 3 đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra hồ dịch vụ 3 của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà bếp, từ nhà vệ sinh và kios 1, kios 2 sau khi xử lý sơ bộ và nước thải từ nhà tắm, giặt → Hồ gom nước thải → Sàng lọc rác tinh → Bể điều hòa lưu lượng → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể Aerotank → Bể lắng trong → Bể chứa nước sau lắng (bể khử trùng) → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B được thoát xuống hồ dịch vụ 3.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.

- Công suất thiết kế: 35m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng trung bình 01 năm: Hóa chất khử trùng (dung dịch Javen 10%): 170lít/năm và men vi sinh: 90kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau: Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không → Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không → Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng

bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã hoàn thành vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 35m³/ngày đêm và được Sở Tài nguyên và môi trường xác nhận tại Công văn số 225/TNMT-BVMT ngày 29/01/2018.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 điểm cạnh khu nhà dịch vụ 3. Tọa độ: X= 2346847; Y= 414853 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt máy thổi khí trong nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải, nhà được xây dựng bằng tường gạch, có cửa đóng thường xuyên để hạn chế tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Lắp đệm cao su chống rung cho máy sục khí.

- Bôi trơn cho các chi tiết hoạt động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 - 6 tháng/lần.

- Trồng cây xanh trong khu vực hệ thống xử lý nước thải

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu	Rắn	75
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3
3	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50
4	Bộ lọc dầu thải	Rắn	30
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	700
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	200
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính dầu	Rắn	200
8	Bao bì mềm thải	Rắn	100
Tổng			1.358

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng chất cở phát sinh khoảng 10kg/ngày; Chất thải phát sinh chủ yếu là cành cây phát sinh khoảng 50kg/lần.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng phát sinh khoảng 150kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

Trong kho chứa chất thải: bố trí 07 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100lit/thùng để đựng chất thải nguy hại. Tất cả các thùng chứa được dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại bên ngoài thùng chứa theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà.

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20m², được bố trí nằm cuối khu đất giai đoạn 1 của cơ sở về phía Tây.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: tường gạch kết hợp tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, có gắn biển cảnh báo tại cửa ra vào.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 năm/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Không bố trí do chất thải chủ yếu là cỏ và cành cây chặt bỏ.

- Chất thải từ hoạt động chăm sóc cỏ, cắt tỉa cành cây được chủ cơ sở thu gom tại một điểm và vận chuyển đi xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt khi phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại khu vực văn phòng: Lắp đặt các thùng chứa 60 lít để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 ngày/lần).

- Đối với bùn phát sinh từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải: Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 01 năm/lần.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 9m², được bố trí gần khu vực nhà để xe của cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch khép kín, nền đổ bê tông, mái tôn, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng đưa ra các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng sân golf, dịch vụ Yên Dũng” tại xã Tiên Phong và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

1. Xây dựng khu sân golf 18 hố và các công trình dịch vụ, công trình phụ trợ đi kèm: Khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng; sân tập golf; khu dịch vụ điều hành câu lạc bộ; nhà nghỉ phục vụ du lịch sân golf; khu kỹ thuật golf; 02 hồ nhân tạo; cây xanh; 02 hệ thống xử lý nước thải công suất 150m³/ngày đêm/hệ thống; đường giao thông nội bộ;

2. Tiến độ thực hiện:

- Giai đoạn 2: Thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng các hạng mục công trình cho 9 hố golf phía Tây Bắc (diện tích 57,44 ha) từ quý I/2018 đến quý I/2024;

- Giai đoạn 3: Thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng các hạng mục công trình cho 9 hố golf phía Tây Nam (diện tích 49,17 ha) từ quý II/2024 đến quý IV/2024.

3. Thực hiện chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các công trình còn lại của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với việc thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của nhà vệ sinh di động được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu của Cơ sở để xử lý; tuyệt đối không xả thẳng ra ngoài môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động thi công, xây dựng (từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng): Thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng bằng biện pháp xây dựng hệ thống rãnh thu, các hố lắng tạm thời gần khu vực thi công (Dung tích hố lắng 1,2 m³ kích thước 1mx1mx1,2m). Nước thải được thu gom, xử lý lắng sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt của Cơ sở.

+ Nước mưa chảy tràn:

- Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 2 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng:

+ Thường xuyên thu gom đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, lưu trữ tại kho chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu của cơ sở với diện tích 9m² để thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình giai đoạn còn lại của Cơ sở:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, thu gom về kho lưu chứa chất thải hiện hữu diện tích 20m² có thùng chứa phân biệt riêng từng loại, dán nhãn và mã, biển cảnh báo, biện pháp thu gom chất thải lỏng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giảm thiểu tác động do ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công, chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

4. Thực hiện các công trình, biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng trên phần diện tích đất còn lại của cơ sở cụ thể như sau:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình.

5. Sau khi hoàn thành:

Chủ cơ sở có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty CP QNK Bắc Giang có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT và trước khi xả ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 737/TTr-TNMT ngày 22/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.